**TÌM HIỂU MỘT SỐ QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**

**Câu 1. Hiện nay, các quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình được quy định trong văn bản nào?**

Trả lờì

1. Ngày 15/7/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. (sau đây gọi tắt là Nghị định số 82/2020/NĐ-CP)Nghị định quy định về hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả đối với hành vi vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt, mức phạt tiền cụ thể theo từng chức danh đối với hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực sau đây:

a) Bổ trợ tư pháp, bao gồm: luật sư; tư vấn pháp luật; công chứng; giám định tư pháp; đấu giá tài sản; trọng tài thương mại; hòa giải thương mại; thừa phát lại;

b) Hành chính tư pháp, bao gồm: hộ tịch; quốc tịch; chứng thực; lý lịch tư pháp; phổ biến, giáo dục pháp luật; hợp tác quốc tế về pháp luật; trợ giúp pháp lý; đăng ký biện pháp bảo đảm; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

c) Hôn nhân và gia đình;

d) Thi hành án dân sự;

đ) Phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

2. Các vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình; thi hành án dân sự; phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã không quy định tại Nghị định này thì áp dụng theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước có liên quan.

**Câu 2. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày nào?**

Trả lời

1. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ gồm 09 chương, 91 điều, cụ thể:

Chương I. Quy định chung (từ Điều 1 đến Điều 4)

Chương II. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp (từ điều 5 đến điều 33)

Chương III. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xủ phạt, mức xử phạt và biện

pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực hành chính tư pháp (từ điều 34 đến điều 57)

Chương IV. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình (từ điều 58 đến điều 63)

Chương V. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực thi hành án dân sự (từ điều 64, điều 65)

Chương VI. Hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (từ điều 66 đến điều 80)

Chương VII. Các hành vi vi phạm khác (điều 81)

Chương VIII. Thẩm quyền lập biên bản và xử phạt vi phạm hành chính (từ điều 82 đến điều 88)

Chương IX. Điều khoản thi hành (từ điều 89 đến điều 91)

2. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/9/2020 và thay thế Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và Nghị định số 67/2015/NĐ-CP ngày 14/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ.

Đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết thì áp dụng Nghị định của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm để xử lý. Trường hợp Nghị định này không quy định trách nhiệm pháp lý hoặc quy định trách nhiệm pháp lý nhẹ hơn đối với hành vi đã xảy ra thì áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý.Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và Nghị định số 67/2015/NĐCP ngày 14/5/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 110/2013/NĐ-CP ngày 24/9/2013 của Chính phủ.

**Câu 3. Cá nhân, tổ chức nào sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, những cá nhân, tổ chức sau đây sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình:

1. Cá nhân, tổ chức Việt Nam; cá nhân, tổ chức nước ngoài (sau đây gọi là cá nhân, tổ chức) có hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này.

2. Tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình theo quy định của Nghị định này, bao gồm:

a) Tổ chức hành nghề luật sư; tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư; tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam; trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật; tổ chức hành nghề công chứng; tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên; văn phòng giám định tư pháp; tổ chức đấu giá tài sản; tổ chức mà nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng; tổ chức có tài sản đấu giá; trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; trung tâm hòa giải thương mại; chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm hòa giải thương mại; tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; văn phòng thừa phát lại; doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

b) Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài; văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam; tổ chức tham gia trợ giúp pháp lý;

c) Doanh nghiệp, hợp tác xã tiến hành thủ tục phá sản; ngân hàng nơi doanh nghiệp, hợp tác xã có tài khoản;

d) Cơ quan, tổ chức thực hiện hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật với cơ quan chính phủ, tổ chức quốc tế liên chính phủ và tổ chức phi chính phủ nước ngoài;

đ) Cơ quan nhà nước có hành vi vi phạm mà hành vi đó không thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao;

e) Các tổ chức khác có hành vi vi phạm trong các lĩnh vực quy định tại khoản 1

Điều 1 Nghị định này.

**Câu 4. Theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong lĩnh vực trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình sẽ bị áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả nào?**

Trả lời

Cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong lĩnh vực trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình sẽ bị áp dụng các hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả sau:

1. Hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền;

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn;

b) Đình chỉ hoạt động có thời hạn;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e và i khoản 1

Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, Nghị định này quy định các biện pháp khắc phục hậu quả khác áp dụng đối với hành vi vi phạm quy định tại các Chương II, III, IV bao gồm:

a) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

b) Buộc tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thực hiện chứng thực thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan về hợp đồng, giao dịch đã được công chứng, chứng thực;

c) Buộc thu hồi và huỷ bỏ giấy tờ, văn bản, tài liệu, chứng cứ giả;

d) Buộc tổ chức hành nghề công chứng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở về bản dịch đã được công chứng, văn bản đã được chứng thực;

đ) Buộc cơ quan thực hiện chứng thực đang lưu trữ hồ sơ chứng thực thông báo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bản dịch đã được chứng thực;

e) Huỷ bỏ kết quả đấu giá tài sản đối với tài sản công;

g) Buộc tổ chức đấu giá tài sản thực hiện các thủ tục để đề nghị hủy kết quả đấu giá theo quy định trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công;

h) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét việc hủy kết quả đấu giá trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công;

i) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét việc sử dụng kết luận giám định khi phát hiện vi phạm làm ảnh hưởng đến nội dung của kết luận giám định;

k) Thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi thừa phát lại đăng ký hành nghề về vi bằng đã được lập do có hành vi vi phạm;

l) Buộc chịu mọi chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu;

m) Buộc chịu mọi chi phí để khám bệnh, chữa bệnh và chi phí khác (nếu có);

n) Buộc nộp lại số tiền tạm ứng, kinh phí bồi thường;

o) Buộc thu hồi các khoản đã thanh toán hoặc bù trừ không đúng quy định của pháp luật;

p) Buộc huỷ bỏ tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

**Câu 5. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định như thế nào về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình?**

Trả lời

Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình như sau:

1. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong các lĩnh vực: hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình là 30.000.000 đồng.

3. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp là 50.000.000 đồng.

4. Mức phạt tiền quy định tại các Chương II, III, IV Nghị định này được áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, trừ các điều quy định tại khoản 5 Điều này. Trường hợp tổ chức có hành vi vi phạm hành chính như của cá nhân thì mức phạt tiền bằng 02 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

5. Mức phạt tiền quy định tại các Điều 7, 8, 9, 16, 17, 24, 26, 29, 33, 39, 50, 53, 63 Nghị định này là mức phạt tiền đối với hành vi vi phạm hành chính của tổ chức.

6. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh được quy định tại Chương VIII Nghị định này là thẩm quyền phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính của cá nhân, thẩm quyền phạt tiền tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền phạt tiền cá nhân.

**Câu 6. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 1 Điều 83 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;

2. Phạt tiền đến 3.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình;

3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên.

**Câu 7. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2 Điều 83 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;

2. Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình;

3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;

4. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e và i khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính; các điểm a, b, đ, l, m và n khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

- Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

- Buộc tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thực hiện chứng thực thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan về hợp đồng, giao dịch đã được công chứng, chứng thực;

- Buộc cơ quan thực hiện chứng thực đang lưu trữ hồ sơ chứng thực thông báo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bản dịch đã được chứng thực;

- Buộc chịu mọi chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu;

- Buộc chịu mọi chi phí để khám bệnh, chữa bệnh và chi phí khác (nếu có);

- Buộc nộp lại số tiền tạm ứng, kinh phí bồi thường.

**Câu 8:Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình?**

Trả lời

Khoản 3 Điều 83 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau:

1. Phạt cảnh cáo;

2. Phạt tiền đến 30.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình; …; đến 50.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp;

3. Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hành nghề, thẻ tư vấn viên pháp luật, thẻ công chứng viên, thẻ thừa phát lại, thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý;

4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định, cụ thể: ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, các biện pháp khắc phục hậu quả khác áp dụng bao gồm:

a) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung;

b) Buộc tổ chức hành nghề công chứng, cơ quan thực hiện chứng thực thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan về hợp đồng, giao dịch đã được công chứng, chứng thực;

c) Buộc thu hồi và huỷ bỏ giấy tờ, văn bản, tài liệu, chứng cứ giả;

d) Buộc tổ chức hành nghề công chứng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi đặt trụ sở về bản dịch đã được công chứng, văn bản đã được chứng thực;

đ) Buộc cơ quan thực hiện chứng thực đang lưu trữ hồ sơ chứng thực thông báo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bản dịch đã được chứng thực;

e) Huỷ bỏ kết quả đấu giá tài sản đối với tài sản công;

g) Buộc tổ chức đấu giá tài sản thực hiện các thủ tục để đề nghị hủy kết quả đấu giá theo quy định trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công;

h) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét việc hủy kết quả đấu giá trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công;

i) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét việc sử dụng kết luận giám định khi phát hiện vi phạm làm ảnh hưởng đến nội dung của kết luận giám định;

k) Thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi thừa phát lại đăng ký hành nghề về vi bằng đã được lập do có hành vi vi phạm;

l) Buộc chịu mọi chi phí để khôi phục lại tình trạng ban đầu;

m) Buộc chịu mọi chi phí để khám bệnh, chữa bệnh và chi phí khác (nếu có);

n) Buộc nộp lại số tiền tạm ứng, kinh phí bồi thường;

o) Buộc thu hồi các khoản đã thanh toán hoặc bù trừ không đúng quy định của pháp luật;

p) Buộc huỷ bỏ tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

**Câu 9. Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định như thế nào về Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra viên Tư pháp trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình?**

Trả lời

Tại khoản 1 Điều 84 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, thanh tra viên Tư pháp đang thi hành công vụ có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;

2. Phạt tiền đến 300.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình;..; đến 500.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp;

3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên.

**Câu 10. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chánh Thanh tra Sở Tư pháp trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình được quy định như thế nào trong Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 4 Điều 84 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Chánh Thanh tra Sở Tư pháp có quyền:

1. Phạt cảnh cáo;

2. Phạt tiền đến 15.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình; …; đến 25.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp;

3. Đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, giấy đăng ký hành nghề, thẻ tư vấn viên pháp luật, thẻ công chứng viên, thẻ thừa phát lại, thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý;

4. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị không vượt quá mức tiền phạt nêu trên;

5. Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

**Câu 11. Công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã và Công chức Phòng Tư pháp cấp huyện được lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm nào trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp; hành chính tư pháp; hôn nhân và gia đình theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

1. Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, công chức Tư pháp – Hộ tịch cấp xã được lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm hành chính sau:

- Các hành vi vi phạm quy định về chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký (Điều 34): Hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung của bản chính để yêu cầu chứng thực bản sao (Khoản 1); Giả mạo chữ ký của người thực hiện chứng thực (điểm a khoản 2).

- Các hành vi vi phạm quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch (Điều 35): Hành vi tẩy xóa, sửa chữ làm sai lệch nội dung giấy tờ dp cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để chứng thực hợp đồng, giao dịch; Hành vi sử dụng giấy tờ giả của cá nhân để được chứng thực hợp đồng, giao dịch; Hành vi mạo danh chủ thể để được chứng thực hợp đồng, giao dịch.

- Các hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai sinh (Điều 37):hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký khai sinh; Cam đoan, làm chứng sai sự thật về việc sinh; Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về nội dung khai sinh; Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký khai sinh.

- Các hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết hôn (Điều 38): Hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn; Cho người khác sử dụng giấy tờ của mình để làm thủ tục đăng ký kết hôn hoặc sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký kết hôn; Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cam đoan, làm chứng sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

- Các hành vi vi phạm quy định về cấp, sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân (Điều 40): Hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Cam đoan không đúng về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân; Sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng mục đích ghi trong giấy xác nhận.

- Các hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai tử (Điều 41): Hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký khai tử; Làm chứng sai sự thật cho người khác để đăng ký khai tử; Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được đăng ký khai tử; Làm thủ tục đăng ký khai tử cho người đang sống; Không làm thủ tục đăng ký khai tử cho người đã chết để trục lợi; Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật khi làm thủ tục đăng ký khai tử để trục lợi.

- Các hành vi vi phạm quy định về đăng ký giám hộ (Điều 42): hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký giám hộ; Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký giám hộ;

Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về nội dung đăng ký giám hộ; Hành vi sử dụng giấy tờ giả của cá nhân để làm thủ tục đăng ký giám hộ.

- Các hành vi vi phạm quy định về đăng ký nhận cha, mẹ, con (Điều 43): hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con; Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con; Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cam đoan, làm chứng sai sự thật để làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con; Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc nhận cha, mẹ, con.

- Các hành vi vi phạm quy định về thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc (Điều 44): Hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; Cam đoan, làm chứng, sai sự thật về nội dung thay đổi, cải chính hộ tịch bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc; hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật khi làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi hoặc nhằm mục đích trục lợi khác.

- Các hành vi vi phạm nguyên tắc đăng ký, quản lý hộ tịch, sử dụng giấy tờ hộ tịch; xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu hộ tịch (Điều 45): hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch; Tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch thông tin trong sổ hộ tịch; Sửa chữa làm sai lệch thông tin cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử hoặc phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, phương tiện điện tử của cơ sở dữ liệu hộ tịch; Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được đăng ký việc hộ tịch khác; Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch; Đưa hối lộ để được đăng ký hộ tịch mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; Mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch; Cho người khác sử dụng giấy tờ hộ tịch của mình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật; Huỷ hoại giấy tờ hộ tịch; sổ hộ tịch; Truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử; Lợi dụng việc đăng ký hộ tịch hoặc trốn tránh nghĩa vụ đăng ký hộ tịch nhằm hưởng chế độ, chính sách ưu đãi hoặc nhằm mục đích trục lợi khác.

- Các hành vi vi phạm quy định vể hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật (Điều 48): Cản trở việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân; Cản trở hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân; Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc; Hành vi lợi dụng phổ biến, giáo dục pháp luật để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

- Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của tuyên truyền viên pháp luật, báo cáo viên pháp luật (Điều 49): Hành vi lợi dụng danh nghĩa tuyên truyền viên pháp luật để thực hiện câc hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao nhằm trục lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự; Lợi dụng danh nghĩa báo cáo viên pháp luật để thực hiện các hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao nhằm trục lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Hành vi vi phạm quy định về yêu cầu bồi thường và giải quyết yêu cầu bồi thường (Điều 56); Hành vi vi phạm quy định về hoàn trả (Điều 57).

- Các hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn (Điều 58); hành vi vi phạm quy định về kết hôn, ly hôn và vi phạm chế độ một vợ, một chồng (Điều 59); hành vi vi phạm quy định về sinh con (Điều 60); hành vi vi phạm quy định về giám hộ (Điều 61), hành vi vi phạm quy định về nuôi con nuôi (Điều 62).

- Các hành vi sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm m, o, q và s khoản 2 Điều 81: Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để yêu cầu chứng thực; Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để làm thủ tục đăng ký, xác định, thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin về hộ tịch; Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để đăng ký việc nuôi con nuôi; Sử dụng giấy tờ, văn bản, chứng cứ giả làm căn cứ để yêu cầu bồi thường; chứng minh quyền yêu cầu bồi thường; rút yêu cầu bồi thường và trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường.

- Các hành vi làm giả giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức quy định tại điểm m, o, q và s khoản 3 Điều 81: Làm giả giấy tờ, văn bản để yêu cầu chứng thực; Làm giả giấy tờ, văn bản để làm thủ tục đăng ký, xác định, thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin về hộ tịch; Làm giả giấy tờ, văn bản để đăng ký việc nuôi con nuôi; Làm giả giấy tờ, văn bản, chứng cứ làm căn cứ để yêu cầu bồi thường; chứng minh quyền yêu cầu bồi thường; rút yêu cầu bồi thường và trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường.

**Câu 12. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định như thế nào thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình của Công chức, viên chức Sở Tư pháp và viên chức Trung tâm trợ giúp pháp lý?**

Trả lời

1. Theo quy định tại khoản 4 Điều 82 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Công chức, viên chức Sở Tư pháp lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Chương II; Mục 1 và Mục 2; Điều 48 và Điều 49; Mục 4, 5 và 6 Chương III; Chương IV; các Điều 78, 79 và 80; Chương VII Nghị định này.

2. Theo quy định tại khoản 10 Điều 82 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP Viên chức Phòng công chứng lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 12; khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 34; điểm l và điểm m khoản 2, điểm l và điểm m khoản 3 Điều 81 Nghị định này.

3. Theo quy định tại khoản 12 Điều 82 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP Viên chức Trung tâm trợ giúp pháp lý lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 51 Nghị định này; điểm n khoản 2 và điểm n khoản 3 Điều 81 Nghị định này đối với người được trợ giúp pháp lý.

4. Theo quy định tại khoản 13 Điều 82 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP. Viên chức Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản lập biên bản vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định tại Điều 23 Nghị định này.

**II. LĨNH VỰC BỔ TRỢ TƯ PHÁP**

**Câu 13. Theo quy định của Luật Luật sư năm 2006: Công dân Việt Nam trung thành với Tổ quốc, tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, có phẩm chất đạo đức tốt, có bằng cử nhân luật, đã được đào tạo nghề luật sư, đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư, có sức khoẻ bảo đảm hành nghề luật sư thì có thể trở thành luật sư (Điều 10). Người có đủ tiêu chuẩn quy định nêu trên muốn hành nghề luật sư phải đáp ứng điều kiện gì? Nếu có hành vi vi phạm quy định về điều kiện hành nghề luật sư thì bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại Điều 11 Luật Luật sư năm 2006, người có đủ tiêu chuẩn quy định tại Điều 10 của Luật này muốn được hành nghề luật sư phải có Chứng chỉ hành nghề luật sư và gia nhập một Đoàn luật sư.

Theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP: Hành vi hành nghề luật sư khi chưa có chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc chưa gia nhập Đoàn luật sư có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng (điểm a khoản 6 Điều 6). Ngoài ra, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi hành nghề luật sư khi chưa có chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc chưa gia nhập Đoàn luật sư (điểm b khoản 9 Điều 6).

**Câu 14. Xin cho biết, những hành vi vi phạm quy định đối với hoạt động hành nghề luật sư nào bị áp dụng mức phạt tiền từ 30.000.000đồng đến 40.000.000 đồng? Ngoài hình thức phạt tiền thì những hành vi vi phạm này có thể bị áp dụng những hình thức xử phạt nào khác?**

Trả lời

Căn cứ khoản 7 Điều 6 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, mức phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng được áp dụng đối với một trong các hành vi sau:

- Cung cấp hoặc hướng dẫn khách hàng cung cấp tài liệu, vật chứng giả, sai sự thật;

- Xúi giục khách hàng khai sai sự thật hoặc xúi giục khách hàng khiếu nại, tố cáo trái pháp luật;

- Tiết lộ thông tin về vụ, việc, về khách hàng mà mình biết trong khi hành nghề, trừ trường hợp được khách hàng đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

- Móc nối, quan hệ với người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng, cán bộ, công chức, viên chức để làm trái quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ, việc;

- Tham gia lôi kéo, kích động, mua chuộc, cưỡng ép người khác tập trung đông người để gây rối trật tự công cộng, thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Cung cấp dịch vụ pháp lý, hoạt động tư vấn pháp luật với danh nghĩa luật sư hoặc mạo danh luật sư để hành nghề luật sư; treo biển hiệu khi chưa được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc chưa gia nhập Đoàn luật sư.

Ngoài hình thức phạt tiền là hình phạt chính, các hành vi vi phạm quy địnhvề hành nghề luật sự nêu trên còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam từ 06 tháng đến 09 tháng (điểm b khoản 8 Điều 6) và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

**Câu 15. Trường hợp Luật sư có lời lẽ, hành vi xúc phạm cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình tham gia tố tụng; tự mình hoặc giúp khách hàng thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật nhằm trì hoãn, kéo dài thời gian hoặc gây khó khăn, cản trở hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định của điểm c khoản 6 Điều 6 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, trường hợp Luật sư có lời lẽ, hành vi xúc phạm cá nhân, cơ quan, tổ chức trong quá trình tham gia tố tụng; tự mình hoặc giúp khách hàng thực hiện những hành vi vi phạm pháp luật nhằm trì hoãn, kéo dài thời gian hoặc gây khó khăn, cản trở hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng và các cơ quan nhà nước khác có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.

Ngoài ra, còn có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam từ 06 tháng đến 09 tháng (điểm b khoản 8 Điều 6) đối với hành vi vi phạm này.

**Câu 16. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư (năm 2012) quy định một trong những nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư là Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. Vậy trường hợp tổ chức hành nghề luật sư không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này thì sẽ bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật luật sư (năm 2012) quy định một trong những nghĩa vụ của tổ chức hành nghề luật sư là Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm.Điều 7 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt đối với các trường hợp tổ chức hành nghề luật sư không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nà như sau:

- Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp không đầy đủ cho luật sư thuộc tổ chức mình (điểm i khoản 1).

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho luật sư của tổ chức mình (điểm m khoản 2)

**Câu 17. Những năm gần đây, nhu cầu về dịch vụ pháp lý tăng cao, kéo theo đó là một bộ phận cá nhân, tổ chức không phải là Luật sư, tổ chức hành nghề luật sư vẫn hoạt động tư vấn pháp luật và cung cấp dịch vụ pháp lý, hoạt động với danh nghĩa luật sư, tổ chức hành nghề luật sư. Vậy, Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối hành vi này như thế nào?**

Trả lời

1. Cá nhân không phải là luật sư mà có hành vi cung cấp dịch vụ pháp lý, tư vấn pháp luật duới danh nghĩa luật sư thì có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng theo quy định tại khoản 7 Điều 6 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP“7. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

…e) Cung cấp dịch vụ pháp lý, hoạt động tư vấn pháp luật với danh nghĩa luật sư hoặc mạo danh luật sư để hành nghề luật sư; treo biển hiệu khi chưa được cấp chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc chưa gia nhập Đoàn luật sư.”

Ngoài hình thức phạt tiền là hình phạt chính, hành vi vi phạm nêu trên còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề luật sư hoặc giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam từ 06 tháng đến 09 tháng (điểm b khoản 8 Điều 6) và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (điểm b khoản 9 Điều 6).

2. Tổ chức không phải là tổ chức hành nghề luật sư mà có hành vi cung cấp dịch vụ tư vấn pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý, hoạt động với danh nghĩa tổ chức hành nghề luật sư thì có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP:

“6. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

…b) Hoạt động tư vấn pháp luật, cung cấp dịch vụ pháp lý, hoạt động với danh nghĩa tổ chức hành nghề luật sư hoặc treo biển hiệu là tổ chức hành nghề luật sư mà không phải là tổ chức hành nghề luật sư”

Ngoài ra còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên (điển b khoản 8 Điều 7).

**Câu 18. Xin cho biết, những hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật bị xử phạt theo Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Theo Điều 9 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật như sau:

“1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Báo cáo không đúng thời hạn, không chính xác, không đầy đủ với cơ quan có thẩm quyền về tổ chức và hoạt động định kỳ hằng năm hoặc khi được yêu cầu;

b) Thông báo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền khi chấm dứt hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật; thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không niêm yết mức thù lao tư vấn pháp luật tại trụ sở;

b) Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về tổ chức và hoạt động định kỳ hằng năm hoặc khi được yêu cầu; không lập, quản lý, sử dụng sổ sách, biểu mẫu theo quy định;

c) Không thông báo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền khi thay đổi nội dung đăng ký hoặc chấm dứt hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật; thay đổi giám đốc trung tâm, trưởng chi nhánh, tư vấn viên pháp luật, luật sư; thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật;

d) Không có biển hiệu hoặc sử dụng biển hiệu không đúng nội dung giấy đăng ký hoạt động;

đ) Cho người không phải là tư vấn viên pháp luật, cộng tác viên tư vấn pháp luật của trung tâm tư vấn pháp luật, luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động cho trung tâm để thực hiện tư vấn pháp luật dưới danh nghĩa của trung tâm tư vấn pháp luật;

e) Cử người không phải là luật sư hành nghề với tư cách cá nhân làm việc theo hợp đồng lao động cho trung tâm tư vấn pháp luật tham gia tố tụng để bào chữa, đại diện, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân yêu cầu tư vấn pháp luật;

g) Tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy đăng ký hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật;

h) Thực hiện tư vấn pháp luật khi chưa được cấp giấy đăng ký hoạt động.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Hoạt động không đúng phạm vi theo quy định của pháp luật, không đúng lĩnh vực ghi trong giấy đăng ký hoạt động;

b) Không đăng ký hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật với cơ quan có thẩm quyền.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi của tổ chức không có chức năng tư vấn pháp luật mà hoạt động tư vấn pháp luật dưới bất kỳ hình thức nào.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm e khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật là giấy đăng ký hoạt động bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm g khoản 2 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung quy định tại điểm g khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm h khoản 2, điểm a khoản 3 và khoản 4 Điều này.”

Câu 19. Xin cho biết, theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, tư vấn viên pháp luật bị tước quyền sử dụng thẻ tư vấn viên pháp luật khi có hành vi vi phạm quy định về hoạt động tư vấn pháp luật nào?

Trả lời

1. Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 10 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì tư vấn viên pháp luật bị tước quyền sử dụng thẻ tư vấn viên pháp luật từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi lợi dụng danh nghĩa trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật, tư vấn viên pháp luật, luật sư, cộng tác viên pháp luật để thực hiện tư vấn pháp luật nhằm trục lợi.

2. Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 10 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì tư vấn viên pháp luật bị tước quyền sử dụng thẻ tư vấn viên pháp luật từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi vi phạm sau:

- Xúi giục cá nhân, tổ chức yêu cầu tư vấn pháp luật cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật;

- Xúi giục cá nhân, tổ chức yêu cầu tư vấn pháp luật khiếu nại, tố cáo, khởi kiện trái pháp luật;

- Tư vấn pháp luật cho các bên có quyền lợi đối lập trong cùng một vụ việc;

- Tiết lộ thông tin về vụ việc, cá nhân, tổ chức yêu cầu tư vấn pháp luật, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức yêu cầu tư vấn pháp luật đồng ý hoặc pháp luật có quy định khác;

**Câu 20. Mức xử phạt đối với hành vi không phải tư vấn viên pháp luật mà hoạt động tư vấn với danh nghĩa tư vấn viên pháp luật được quy định như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 10 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi không phải tư vấn viên pháp luật mà hoạt động tư vấn với danh nghĩa tư vấn viên pháp luật có thể bị xử phạt từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, người có hành vi nêu trên còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên (điểm b khoản 5 Điều 10 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP)

**Câu 21. Theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì công chứng viên bị tuớc quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 01 tháng đến 03 tháng khi thực hiện hành vi vi phạm nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 4 Điều 13 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, công chứng viên bị tuớc quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 01 tháng đến 03 tháng khi thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định của công chứng di chúc, văn bàn thoả thuận phân chia di sản, văn bản từ chối nhận di sản sau:

1. Công chứng di chúc có nội dung vi phạm điều cấm của luật, trái đạo đức xã hội; có hình thức trái quy định của luật;

2. Công chứng di chúc trong trường hợp tại thời điểm công chứng người lập di chúc thể hiện rõ ràng bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình; có căn cứ cho rằng việc lập di chúc có dấu hiệu bị lừa dối hoặc bị đe dọa hoặc bị cưỡng ép; người lập di chúc không đủ độ tuổi lập di chúc theo quy định; việc lập di chúc không có người làm chứng hoặc không được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý theo quy định;

3. Công chứng di chúc trong trường hợp người lập di chúc không tự mình ký hoặc điểm chỉ vào phiếu yêu cầu công chứng;

4. Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà không có giấy chứng tử hoặc giấy tờ khác chứng minh người để lại di sản đã chết hoặc người thừa kế đã chết (nếu có); không có di chúc trong trường hợp thừa kế theo di chúc; không có giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người được hưởng di sản trong trường hợp thừa kế theo pháp luật;

5. Công chứng di chúc, văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản trong trường hợp di sản là quyền sử dụng đất hoặc tài sản khác mà pháp luật quy định phải đăng ký quyền sử dụng, quyền sở hữu nhưng người yêu cầu công chứng không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản của người để lại di sản đó;

6. Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản, văn bản khai nhận di sản mà có căn cứ cho rằng việc để lại di sản hoặc việc hưởng di sản là không đúng pháp luật ngoài trường hợp quy định tại các điểm d và đ khoản này;

7 Công chứng văn bản từ chối nhận di sản trong trường hợp có căn cứ về việc người thừa kế từ chối nhận di sản nhằm trốn tránh thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác;

8. Công chứng văn bản từ chối nhận di sản mà không có giấy chứng tử hoặc giấy tờ khác chứng minh người để lại di sản đã chết hoặc không có di chúc trong trường hợp thừa kế theo di chúc hoặc không có giấy tờ chứng minh quan hệ giữa người để lại di sản và người yêu cầu công chứng trong trường hợp thừa kế theo pháp luật.

**Câu 22. Xin cho biết, Công chứng viên thực hiện công chứng bản dịch liên** **quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 14 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì công chứng viên thực hiện hành vi công chứng bản dịch liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, cụ thể:

“3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

…b) Công chứng bản dịch liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng: hoặc của những người thân thích là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi;”

Ngoài ra, công chứng viên có hành vi vi phạm nêu trên còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 03 tháng đến 06 tháng (điểm b khoản 4 Điều 14 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP) và bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định nêu trên (điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP).

**Câu 23. Tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 09 tháng đến 12 tháng được áp dụng là hình phạt chính đối với những hành vi vi phạm quy định hoạt động hành nghề công chứng nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 7 Điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 09 tháng đến 12 tháng đuợc áp dụng là hành phạt chính đối với một trong các hành vi vi phạm quy định hoạt động công chứng sau:

1. Công chứng hợp đồng, giao dịch khi chưa xác định đầy đủ các chủ thể của hợp đồng, giao dịch;

2. Công chứng hợp đồng, giao dịch khi chưa có chữ ký của chủ thể hợp đồng, giao dịch;

3. Chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng văn phòng công chứng khi văn phòng công chứng hoạt động chưa đủ 02 năm.Ngoài ra công chứng viên còn bị buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định nêu trên (điểm b khoản 9 Điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP).

**Câu 24. Công chứng viên thực hiện hành vi Công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi … bị xử phạt như thế nào theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 15 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, công chứng viên thực hiện hành vi Công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi … có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng, cụ thể

“4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

…b) Công chứng hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi;”

Ngoài ra, có thể bịáp dụng hình phạt bổ sung là tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 06 tháng đến 09 tháng (điểm b khoản 8 Điều 15); áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: buộc tổ chức hành nghề công chứng đang lưu trữ hồ sơ công chứng thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ liên quan về hành vi vi phạm nêu trên của công chứng viên (điểm c khoản 9 Điều 15).

**Câu 25. Tổ chức hành nghề công chứng có hành vi cho công chứng viên không đủ điều kiện hành nghề hoặc cho nguời không phải công chứng viên hành nghề tại tổ chức mình thì bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Căn cứ Điều 16 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP:

- Tổ chức hành nghề công chứng có hành vi cho công chứng viên không đủ điều kiện hành nghề hoặc cho nguời không phải công chứng viên hành nnghề tại tổ chức mình có thể bị phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng (điểm b khoản 6).

- Ngoài ra có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng (điểm a khoản 7) và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là: buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm (điểm b khoản 8), buộc tổ chức hành nghề công chứngđang lưu trữ hồ sơ công chứng thông báo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan về hành vi vi phạm nêu trên (điểm c khoản 8).

**Câu 26. Xin cho biết: Việc không thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của các tổ chức, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực Bổ trợ tư pháp theo Nghị định 82/2020/NĐ-CP sẽ bị xử lý như thế nào?**

1. Đối với tổ chức hành nghề luật sư

Điều 7 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định:

a) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

…Thông báo, báo cáo không đúng thời hạn cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng, tiếp tục hoạt động, tự chấm dứt hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề; Thông báo, báo cáo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc thành lập, tạm ngừng, tiếp tục hoạt động hoặc tự chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam; Báo cáo không đúng thời hạn, không đầy đủ hoặc không chính xác về tình hình tổ chức, hoạt động cho cơ quan có thẩm quyền (điểm c, d, e khoản 1 Điều 7).

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi

sau: …Không thông báo, báo cáo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, tạm ngừng hoạt động, tự chấm dứt hoạt động, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức tổ chức hành nghề; Không thông báo, báo cáo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền về việc tạm ngừng, tiếp tục hoạt động hoặc tự chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam;

Không báo cáo về tổ chức, hoạt động cho cơ quan có thẩm quyền; Không đăng báo, thông báo về việc thành lập tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài tại Việt Nam (điểm b, c, đ, h khoản 2 Điều 7).

2. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư

Điều 8 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi báo cáo không đúng thời hạn, không đầy đủ, không chính xác với cơ quan có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội - nghề nghiệp của luật sư.

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về đề án tổ chức đại hội hoặc kết quả đại hội; Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về tổ chức, hoạt động của tổ chức xã hội -nghề nghiệp của luật sư; Tổ chức lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ cho luật sư không đúng quy định; không báo cáo với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền về việc bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho luật sư; không gửi để đăng tải hoặc không đăng tải kế hoạch bồi dưỡng hằng năm và chương trình bồi dưỡng.

3. Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật Điều 9 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định

a) Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Báo cáo không đúng thời hạn, không chính xác, không đầy đủ với cơ quan có thẩm quyền về tổ chức và hoạt động định kỳ hằng năm hoặc khi được yêu cầu; Thông báo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền khi chấm dứt hoạt động của trung tâm tư vấn pháp luật; thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của chi nhánh của trung tâm tư vấn pháp luật (điểm a khoản 1).

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi: Không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền về tổ chức và hoạt động định kỳ hằng năm hoặc khi được yêu cầu; không lập, quản lý, sử dụng sổ sách, biểu mẫu theo quy định (điểm b khoản 2).

4. Tổ chức hành nghề công chứng

Điều 16 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi: Thực hiện không đúng hoặc không đầy đủ chế độ báo cáo; báo cáo không chính xác về tình hình tổ chức và hoạt động của tổ chức hành nghề công chứng (điểm c khoản 1).

b) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi: Không thực hiện chế độ báo cáo theo quy định (điểm b khoản 2).

5. Tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công chứng viên

Điều 17 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định:

a) Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với Hiệp hội công chứng viên Việt Nam không thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hoặc báo cáo khác theo yêu cầu của Bộ Tư pháp.

b) Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với Hiệp hội công chứng viên Việt Nam không báo cáo Bộ Tư pháp về đề án tổ chức đại hội nhiệm kỳ, phương án nhân sự, kết quả đại hội.

6. Tổ chức đấu giá tài sản

Điều 24 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định:

a) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Thực hiện không đúng, không đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định; Từ chối nhận người tập sự mà không có lý do chính đáng; thông báo, báo cáo về việc nhận tập sự không đúng quy định (điểm a, h khoản 1).

b) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không thực hiện chế độ báo cáo về tổ chức, hoạt động; Không báo cáo danh sách đấu

giá viên, người tập sự hành nghề đấu giá tại tổ chức mình cho Sở Tư pháp (điểm đ, g khoản 2).

7. Trung tâm trọng tài, chi nhánh của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam Điều 26 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định :

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Thông báo hoặc báo cáo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt hoạt động, hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động của trung tâm trọng tài, chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm trọng tài; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài; Thực hiện không đúng, không đầy đủ chế độ báo cáo; báo cáo không chính xác về tổ chức và hoạt động (điểm đ, k khoản 1).

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi:

Không thực hiện chế độ báo cáo; không lập, quản lý sổ sách, biểu mẫu theo quy định (điểm h khoản 2). Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh của trung tâm hòa giải thương mại; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam

Điều 29 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Thông báo, báo cáo không đúng thời hạn cho cơ quan có thẩm quyền về việc chấm dứt hoạt động và hoàn tất thủ tục chấm dứt hoạt động của trung tâm hòa giải; chi nhánh, văn phòng đại diện của trung tâm hòa giải; chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài; Thực hiện không đúng, không đầy đủ chế độ báo cáo hoặc báo cáo không chính xác về tổ chức và hoạt động theo quy định (điểm d, h khoản 1).

b) Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau: Không thực hiện chế độ báo cáo; không lập, quản lý sổ sách, biểu mẫu theo quy định (điểm đ khoản 2).

9. Văn phòng thừa phát lại

Điều 33 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định:

a) Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với một trong các hành vi

sau: Thực hiện không đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; chấp hành không đầy đủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc báo cáo phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, giám sát (điểm d khoản 1).

b) Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi

sau: Không thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định; không chấp hành yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về việc báo cáo phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, giám sát (điểm c khoản 3).

**Câu 27. Tổ chức hành nghề công chứng không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp thì bị xử lý như thế nào?**

Trả lời

Điều 16 Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định cụ thể việc xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp như sau:

1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp liên tục cho công chứng viên của tổ chức mình (điểm m khoản 1);

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp không bảo đảm mức phí tối thiểu hoặc không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ cho tất cả công chứng viên của tổ chức mình theo quy định (điểm l khoản 2);

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp (điểm b khoản 3).

**Câu 28. Xin cho biết, hành vi ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hành sự bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 6 Điều 6 Luật giám định tư pháp 2018 thì nghiêm cấm hành vi xúi giục, ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật.Hành vi ép buộc người giám định tư pháp đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hành sự có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng theo quy định tại khoản 3 Điều 19 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP.

**Câu 29. Luật Giám định tư pháp 2018 quy định nghiêm cấm thực hiện các hành vi sau:**

Từ chối đưa ra kết luận giám định tư pháp mà không có lý do chính đáng; Cố ý đưa ra kết luận giám định tư pháp sai sự thật; Cố ý kéo dài thời gian thực hiện giám định tư pháp; Lợi dụng việc thực hiện giám định tư pháp để trục lợi;

Tiết lộ thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định tư pháp.

**Câu 30.Xin cho biết Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt đối với các hành vi vi phạm này như thế nào?**

Trả lời

Điều 20 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm nêu trên cụ thể như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kéo dài thời gian thực hiện giám định mà không có lý do chính đáng;

...e) Thông báo không đúng thời hạn hoặc không thông báo bằng văn bản theo quy định cho người trưng cầu, người yêu cầu giám định trong trường hợp từ chối giám định.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

...c) Tiết lộ nội dung kết luận giám định cho người khác mà không được người trưng cầu, người yêu cầu giám định đồng ý bằng văn bản;

...g) Tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung kết luận giám định;

h) Can thiệp, cản trở việc thực hiện giám định của người giám định tư pháp;

..

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Lợi dụng việc giám định để trục lợi;

b) Tiết lộ bí mật thông tin mà mình biết được khi tiến hành giám định

c) Từ chối đưa ra kết luận giám định mà không có lý do chính đáng mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Kết luận giám định sai sự thật mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Thực hiện giám định trong trường hợp phải từ chối giám định theo quy định của pháp luật;

e) Ghi nhận không trung thực kết quả trong quá trình giám định mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.”

Ngoài ra, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 4 Điều 20 như sau:

1. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng xem xét việc sử dụng kết luận giám định khi phát hiện vi phạm làm ảnh hưởng đến nội dung kết luận giám định đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, đ, e, g và i khoản 2, các điểm d, đ và e khoản 3 Điều này;

2. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 3 Điều này.

**Câu 30. Hành vi cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá, thẻ đấu giá viên để hành nghề đấu giá và hành vi sử dụng thẻ đấu giá viên của người khắc để điều hành cuộc đấu giá bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì Hành vi cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá, thẻ đấu giá viên để hành nghề đấu giá và hành vi sử dụng thẻ đấu giá viên của người khắc để điều hành cuộc đấu giá bị xử phạt như sau;

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồngđối với hành vi cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá, thẻ đấu giá viên để hành nghề đấu giá (khoản 4).

Ngoài ra còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá từ 03 tháng đến 06 tháng (điểm a khoản 8) và biên pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên (điểm d khoản 9).

2. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng thẻ đấu giá viên của người khác để điều hành cuộc đấu giá (điểm a khoản 5).Ngoài ra, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên (điểm d khoản 9).

**Câu 31. Đấu giá viên bị áp dụng hình thức phạt chính là tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá từ 09 tháng đến 12 tháng khi có hành vi vi phạm quy định của đấu giá viên?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 7 Điều 22 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì đấu giá viên bị áp dụng hình thức xử phạt chính là Tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề đấu giá từ 09 tháng đến 12 tháng đối với một trong các hành vi sau:

“a) Lập danh sách khống về người đăng ký tham gia đấu giá hoặc lập hồ sơ khống

hoặc lập hồ sơ giả tham gia đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Đồng thời hành nghề tại 02 tổ chức đấu giá tài sản trở lên hoặc kiêm nhiệm hành nghề công chứng hoặc thừa phát lại;

d) Cho phép người không đủ điều kiện tham gia đấu giá tài sản tham gia cuộc đấu giá”.Ngoài ra còn có thể bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả:

- Hủy kết quả đấu giá tài sản nếu tài sản đấu giá là tài sản công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này trong trường hợp người tham gia đấu giá trong danh sách khống, hồ sơ khống, hồ sơ giả là người trúng đấu giá; điểm b khoản 7 Điều này trong trường hợp làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản; điểm d khoản 7 Điều này trong trường hợp người không đủ điều kiện tham gia đấu giá là người trúng đấu giá;

- Buộc tổ chức đấu giá tài sản thực hiện các thủ tục để đề nghị hủy kết quả đấu giá theo quy định trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công khi có hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 7 Điều này trong trường hợp người tham gia đấu giá trong danh sách khống, hồ sơ khống, hồ sơ giả là người trúng đấu giá; điểm b khoản 7 Điều này trong trường hợp làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản; điểm d khoản 7 Điều này trong trường hợp người không đủ điều kiện tham gia đấu giá là người trúng đấu giá;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều này.

**Câu 32. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định của người tham gia đấu giá, người có tài sản đấu giá và người khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản?**

Trả lời

Điều 23 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định của người tham gia đấu giá, người có tài sản đấu giá và người khác có liên quan đến hoạt động đấu giá tài sản như sau:

“1. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật, sử dụng giấy tờ giả mạo để đăng ký tham gia đấu giá, tham gia cuộc đấu giá;

b) Cản trở hoạt động đấu giá; gây rối, mất trật tự tại cuộc đấu giá;

c) Không trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá hoặc không ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá;

d) Ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản hoặc thành lập hội đồng đấu giá tài sản khi chưa có giá khởi điểm, trừ trường hợp tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng tự đấu giá hoặc pháp luật có quy định khác;

đ) Không thông báo công khai hoặc thông báo không đúng quy định trên trang thông tin điện tử của mình và trang thông tin điện tử chuyên ngành về đấu giá tài sản về việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản;

e) Đưa thông tin không đúng về tài sản đấu giá nhằm mục đích trục lợi;

g) Thỏa thuận trái pháp luật với cá nhân, tổ chức có liên quan trong hoạt động đấu giá tài sản làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người thứ ba, trừ trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e khoản này, các khoản 2, 3 và 4 Điều này;

h) Đe dọa, cưỡng ép đấu giá viên, người tham gia đấu giá khác nhằm làm sai lệch kết quả đấu giá tài sản.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi thông đồng dìm giá hoặc nâng giá trong hoạt động đấu giá tài sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không bán đấu giá đối với tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá;

b) Đấu giá đối với tài sản chưa được phép giao dịch theo quy định của pháp luật.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với hành vi thực hiện cuộc đấu giá khi không có chức năng đấu giá tài sản.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Hủy kết quả đấu giá tài sản nếu tài sản đấu giá là tài sản công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nếu người thực hiện hành vi vi phạm là người trúng đấu giá; khoản 2 Điều này dẫn đến làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá hoặc hồ sơ tham gia đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản; điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này;

b) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét việc hủy kết quả đấu giá trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công khi có hành vi vi phạm quy định tại các điểm a và g khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, g và h khoản 1, khoản 2, điểm b khoản 3 và khoản 4 Điều này.”

**Câu 33. Tổ chức đấu giá tài sản có hành vi vi phạm nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đấu giá viên thuộc tổ chức mình thì bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định mức xử phạt đối với các hành vi vi phạm nghĩa vụ mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đấu giá viên thuộc tổ chức mình cụ thể như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

…i) Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp không đầy đủ cho đấu giá viên thuộc tổ chức mình;

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

…i) Không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho đấu giá viên của tổ chức mình;…”

**Câu 34. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định Tổ chức đấu giá tài sản có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng khi có hành vi vi phạm nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định Tổ chức đấu giá tài sản có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng khi có một trong các hành vi vi phạm sau:

“a) Không lập biên bản đấu giá;

b) Cho người không được đăng ký tham gia đấu giá tài sản mà tham gia đấu giá;

c) Tổ chức cuộc đấu giá không đúng hình thức, phương thức đấu giá theo quy chế cuộc đấu giá;

d) Thông đồng, móc nối với người có tài sản đấu giá, người tham gia đấu giá, tổ chức thẩm định giá, tổ chức giám định tài sản đấu giá, cá nhân, tổ chức khác để làm sai lệch thông tin tài sản đấu giá, dìm giá, làm sai lệch hồ sơ đấu giá hoặc kết quả đấu giá tài sản mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

đ) Hạn chế việc xem tài sản hoặc mẫu tài sản đấu giá hoặc giấy tờ về quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản và tài liệu liên quan đến tài sản đấu giá.”

Ngoài ra, có thể bị áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung:

- Đình chỉ hoạt động từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

- Đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm a, c, d và đ khoản 4 Điều này.

Đồng thời có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả sau:

- Hủy kết quả đấu giá tài sản nếu tài sản đấu giá là tài sản công đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều này dẫn đến làm sai lệch kết quả đấu giá; điểm b khoản 4 Điều này trong trường hợp người không đủ điều kiện tham gia đấu giá hoặc không được đăng ký tham gia đấu giá là người trúng đấu giá; điểm d khoản 4 Điều này;

- Buộc tổ chức đấu giá tài sản thực hiện các thủ tục đề nghị hủy kết quả đấu giá theo quy định trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công khi có hành vi vi phạm quy định tại khoản 4Điều này;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này.

**Câu 35. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về mức xử phạt đối với Tổ chức đấu giá tài sản ban hành quy chế cuộc đấu giá không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung chính theo quy định hoặc không thông báo công khai quy chế cuộc đấu giá như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, tổ chức đấu giá tài sản ban hành quy chế cuộc đấu giá không đúng hoặc không đầy đủ các nội dung chính theo quy định hoặc không thông báo công khai quy chế cuộc đấu giá có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.

**Câu 36. Theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, tổ chức đấu giá tài sản không ban hành quy chế cuộc đấu giá cho từng cuộc đấu giá thì bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại điểm đ khoản 5 Điều 24 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, tổ chức đấu giá tài sản không ban hành quy chế cuộc đấu giá cho từng cuộc đấu giá có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.Ngoài ra, tổ chức đấu giá tài sản có hành vi vi phạm nêu trên còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động từ 03 tháng đến 06 tháng (điểm b khoản 6 Điều 24) và áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả là Buộc tổ chức đấu giá tài sản thực hiện các thủ tục đề nghị hủy kết quả đấu giá theo quy định trong trường hợp đấu giá tài sản không phải là tài sản công khi có hành vi vi phạm quy định tại đ khoản 5 Điều này (điểm b khoản 7 Điều 24).

**Câu 37. Trọng tài thương mại là gi? Trọng tài viên là ai? Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trọng tài viên như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định của Luật Trọng tài thương mại năm 2010 thì:

1. Trọng tài thương mại là phương thức giải quyết tranh chấp do các bên thoả thuận và được tiến hành theo quy định của Luật này.

2. Trọng tài viên là người được các bên lựa chọn hoặc được Trung tâm trọng tài hoặc Tòa án chỉ định để giải quyết tranh chấp theo quy định của Luật này.

3. Điều 27 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về hoạt động của trọng tài viên như sau:

“1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Giải quyết tranh chấp trong trường hợp trọng tài viên là người thân thích hoặc là người đại diện của một bên trong vụ tranh chấp;

b) Giải quyết tranh chấp trong trường hợp trọng tài viên có lợi ích liên quan trong vụ tranh chấp;

c) Giải quyết tranh chấp trong trường hợp trọng tài viên đã là hòa giải viên, người đại diện, luật sư của một trong các bên trước khi đưa vụ tranh chấp đó ra giải quyết tại trọng tài, trừ trường hợp được các bên chấp thuận bằng văn bản;

d) Giải quyết tranh chấp khi có căn cứ rõ ràng cho thấy trọng tài viên không vô tư, khách quan.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Tiết lộ bí mật nội dung vụ tranh chấp mà mình giải quyết, trừ trường hợp phải cung cấp thông tin cho cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Hoạt động trọng tài thương mại mà không đủ tiêu chuẩn, điều kiện làm trọng tài viên.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.”

**Câu 38: Hòa giải viên thương mại là gì? Nghĩa vụ của hòa giải viên thương mai? Khi hòa giải viên thương mại có hành vi vi phạm quy định về hoạt động của hòa giải viên thương thì bị xử lý như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định của Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại thì

1. Hòa giải viên thương mại bao gồm hòa giải viên thương mại vụ việc và hòa giải viên thương mại của tổ chức hòa giải thương mại được các bên lựa chọn hoặc được tổ chức hòa giải thương mại chỉ định theo đề nghị của các bên để hỗ trợ các bên giải quyết tranh chấp theo quy định của Nghị định này.

2. Hòa giải viên thương mại có các nghĩa vụ sau:

a) Tuân thủ pháp luật, quy tắc đạo đức và ứng xử của hòa giải viên thương mại; độc lập, vô tư, khách quan, trung thực;

b) Tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm pháp luật và không trái đạo đức xã hội;

c) Bảo vệ bí mật thông tin về vụ tranh chấp mà mình tham gia hòa giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận bằng văn bản hoặc theo quy định của pháp luật;

d) Thông báo cho các bên về thẩm quyền, thù lao và chi phí trước khi tiến hành hòagiải;

đ) Không được đồng thời đảm nhiệm vai trò đại diện hay tư vấn cho một trong các bên, không được đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hòa giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác;

e) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và của pháp luật có liên quan.

3. Điều 30 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt đối với các hành vi vi phạm về hoạt động của hòa giải viên thương mại cụ thể như sau:

- Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo cho các bên về thẩm quyền, thù lao và chi phí trước khi tiến hành hòa giải.

- Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

+ Tiết lộ thông tin về vụ việc, khách hàng mà mình biết được trong quá trình hoà giải, trừ trường hợp các bên tranh chấp đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác;

+ Nhận, đòi hỏi tiền, lợi ích khác ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận;

+ Hoạt động hòa giải thương mại mà không đủ tiêu chuẩn làm hòa giải viên thương mại;

+ Đồng thời đảm nhiệm vai trò đại diện hay tư vấn cho một trong các bên hoặc đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hoà giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện một trong các hành vi Tiết lộ thông tin về vụ việc, khách hàng mà mình biết được trong quá trình hoà giải, trừ trường hợp các bên tranh chấp đồng ý bằng văn bản hoặc pháp luật có quy định khác; Nhận, đòi hỏi tiền, lợi ích khác ngoài khoản thù lao và chi phí đã thỏa thuận; Hoạt động hòa giải thương mại mà không đủ tiêu chuẩn làm hòa giải viên thương mại; Đồng thời đảm nhiệm vai trò đại diện hay tư vấn cho một trong các bên hoặc đồng thời là trọng tài viên đối với cùng vụ tranh chấp đang hoặc đã tiến hành hoà giải, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

**Câu 39. Thừa phát lại là gì? Những việc nào mà Thừa phát lại không được làm? Hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về việc thừa phát lại không được làm?**

Trả lời

Theo Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thì

1. Thừa phát lại là người có đủ tiêu chuẩn được Nhà nước bổ nhiệm để thực hiện tống đạt, lập vi bằng, xác minh điều kiện thi hành án dân sự, tổ chức thi hành án dân sự theo quy định của Nghị định này và pháp luật có liên quan (khoản 1 Điều 2)

2. Những việc mà Thừa phát lại không được làm được quy định tại Điều 4, bao gồm;

- Tiết lộ thông tin về việc thực hiện công việc của mình, trừ trường hợp pháp luật quy định khác; sử dụng thông tin về hoạt động của Thừa phát lại để xâm hại quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Đòi hỏi thêm bất kỳ khoản lợi ích vật chất nào khác ngoài chi phí đã được ghi nhận trong hợp đồng.

- Kiêm nhiệm hành nghề công chứng, luật sư, thẩm định giá, đấu giá tài sản, quản lý, thanh lý tài sản.

-Trong khi thực thi nhiệm vụ, Thừa phát lại không được nhận làm những việc liên quan đến quyền, lợi ích của bản thân và những người thân thích của mình, bao gồm: Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của Thừa phát lại, của vợ hoặc chồng của Thừa phát lại; cháu ruột mà Thừa phát lại là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì.

- Các công việc bị cấm khác theo quy định của pháp luật.

3. Điều 32 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định Hình thức xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về việc thừa phát lại không được làm cụ thể như sau:

“3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

…c) Hành nghề thừa phát lại mà kiêm nhiệm hành nghề công chứng, luật sư, thẩm định giá, đấu giá tài sản và quản lý, thanh lý tài sản;

d) Tiết lộ thông tin về việc thực hiện công việc của mình, trừ trường hợp pháp luật quy định khác;

đ) Đòi hỏi bất kỳ khoản tiền hoặc lợi ích vật chất nào khác ngoài chi phí đã thoả thuận trong hợp đồng dịch vụ;

…

4. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng thông tin về hoạt động của thừa phát lại để xâm phạm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, cơ quan, tổ chức;

b) Lập vi bằng liên quan đến quyền, lợi ích của bản thân và những người là người thân thích của mình, bao gồm: Vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác, chú, cậu, cô, dì và anh, chị, em ruột của thừa phát lại, của vợ hoặc chồng của thừa phát lại; cháu ruột mà thừa phát lại là ông, bà, bác, chú, cậu, cô, dì;

c) Lập vi bằng vi phạm quy định về bảo đảm an ninh, quốc phòng, bao gồm: Xâm phạm mục tiêu về an ninh, quốc phòng; làm lộ bí mật nhà nước, phát tán tin tức, tài liệu, vật phẩm thuộc bí mật nhà nước; vi phạm quy định ra, vào, đi lại trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của công trình an ninh, quốc phòng và khu quân sự; vi phạm quy định về bảo vệ bí mật, bảo vệ công trình an ninh, quốc phòng và khu quân sự;

d) Lập vi bằng vi phạm đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình theo quy định của Bộ luật Dân sự; trái đạo đức xã hội;

đ) Lập vi bằng xác nhận nội dung, việc ký tên trong hợp đồng, giao dịch thuộc phạm vi hoạt động công chứng, chứng thực; xác nhận tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt; xác nhận chữ ký, bản sao đúng với bản chính;

e) Lập vi bằng ghi nhận sự kiện, hành vi để chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản mà không có giấy tờ chứng minh quyền sử dụng, quyền sở hữu theo quy định của pháp luật;

g) Lập vi bằng ghi nhận sự kiện, hành vi nhằm thực hiện các giao dịch trái pháp luật của người yêu cầu;

h) Lập vi bằng ghi nhận sự kiện, hành vi của cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân, sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân đang thi hành công vụ;

i) Vi phạm quy tắc đạo đức nghề nghiệp thừa phát lại theo quy định của pháp luật;…

Ngoài ra, còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung:

- Tước quyền sử dụng thẻ thừa phát lại từ 09 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 3 Điều này (điểm c khoản 8)

- Tước quyền sử dụng thẻ thừa phát lại từ 06 tháng đến 09 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 4 Điều này (điểm b khoản 8);

- Tước quyền sử dụng thẻ thừa phát lại từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này (điểm a khoản 8).Đồng thời, có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm đ khoản 3, các điểm b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 4 Điều này.

**Câu 40. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định những trường hợp nào sẽ áp dụng hình thức phạt chính là tước quyền sử dụng thẻ thừa pháp lại từ 09 tháng đến 12 tháng?**

Trả lời

Khoản 7 Điều 32 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định áp dụng hình thức phạt chính là tước quyền sử dụng thẻ thừa pháp lại từ 09 tháng đến 12 tháng đối với một trong các hành vi sau:

- Lập vi bằng ghi nhận sự kiện, hành vi mà thừa phát lại không trực tiếp chứng kiến;

- Thông đồng với người yêu cầu và những người có liên quan làm sai lệch nội dung của vi bằng, hồ sơ công việc.

Ngoài ra, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định

tại khoản 7 Điều này (điêm b khoản 9 Điều 32);

- Thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp nơi thừa phát lại đăng ký hành nghề về vi bằng đã được lập quy định tại khoản 7 Điều này (điểm c khoản 9 Điều 32).

**Câu 41. Hành vi: mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho thừa phát lại không đầy đủ hoặc không liên tục; không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho thừa phát lại của văn phòng mình thì bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, hành vi: mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho thừa phát lại không đầy đủ hoặc không liên tục; không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho thừa phát lại của văn phòng mình thì bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho thừa phát lại không đầy đủ hoặc không liên tục (điểm g khoản 3 Điều 33)

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi không mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho thừa phát lại của văn phòng mình (điểm d khoản 4 Điều 33)

**III. LĨNH VỰC HÀNH CHÍNH TƯ PHÁP**

**Câu 42: Xin cho biết, theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, công chứng viên bị áp dụng hình phạt bổ sung là tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 03 tháng đến 06 tháng khi có những hành vi vi phạm quy định về chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký nào?**

Trả lời

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 34 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng thể công chứng viên từ 03 tháng đến 06 tháng được áp dụng khi công chứng viên thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

- Chứng thực chữ ký trong trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký trước mặt người thực hiện chứng thực hoặc không ký trước mặt người tiếp nhận hồ sơ chứng thực chữ ký;

- Không ghi lời chứng trong văn bản chứng thực;

- Nhận, đòi hỏi tiền hoặc lợi ích khác từ người yêu cầu chứng thực ngoài phí, chi phí chứng thực đã được niêm yết.

**Câu 43: Xin cho biết, theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, công chứng viên bị áp dụng hình phạt bổ sung là tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 06 tháng đến 09 tháng khi có những hành vi vi phạm quy định về chứng thức nào?**

Trả lời

Căn cứ điểm b khoản 6 Điều 34 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, hình thức xử phạt bổ sung là tước quyền sử dụng thể công chứng viên từ 03 tháng đến 06 tháng được áp dụng khi công chứng viên thực hiện một trong các hành vi vi phạm quy định về chứng thưc sau:

- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung không hợp lệ; bản chính bị hư hỏng, cũ nát, không xác định được nội dung;

- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức, người có

thẩm quyền của nước ngoài cấp, công chứng hoặc chứng nhận mà chưa được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp được miễn hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên hoặc theo nguyên tắc có đi, có lại;

- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản đóng dấu mật của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền hoặc không đóng dấu mật nhưng ghi rõ không được sao chụp;

- Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cá nhân tự lập mà không có xác nhận và đóng dấu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Chứng thực chữ ký trong giấy tờ, văn bản có nội dung là hợp đồng, giao dịch, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác;

- Chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi của người chứng thực.

**Câu 44: Công chứng viên bị áp dụng hình thức xử phạt chính là tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 09 tháng đến 12 tháng khi có hành vi vi phạm pháp luật nào về chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 5 Điều 34 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, công chứng viên bị áp dụng hình thức xử phạt chính là tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 09 tháng đến 12 tháng khi có một trong những hành vi sau:

- Chứng thực bản sao từ bản chính hoặc chữ ký trong giấy tờ, văn bản có nội dung trái pháp luật, đạo đức xã hội; tuyên truyền, kích động chiến tranh, chống chế độ xã hội chủ nghĩa Việt Nam; xuyên tạc lịch sử của dân tộc Việt Nam; xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín của cá nhân, tổ chức; vi phạm quyền công dân;

- Chứng thực bản sao từ bản chính mà không đối chiếu với bản chính;

- Chứng thực chữ ký trong trường hợp tại thời điểm chứng thực, người yêu cầu chứng thực không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

**Câu 45. Xin cho biết việc chứng thực có bắt buộc phải thực hiện tại trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực? Hành vi chứng thực ngoài trụ sở có bị xử phạt không?**

Trả lời

Theo quy định của Luật Công chứng năm 2014 và Điều 10 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch thì việc chứng thực được thực hiện tại trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực, trừ trường hợp chứng thực di chúc, chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký mà người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu, không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.

Do đó, hành vi chứng thực ngoài trụ sở của tổ chức thực hiện chứng thực, trừ trường hơp pháp luật quy định khác thì có thể bị phạt tiến từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 34 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP.

**Câu 46. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng… của người chứng thực như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại điểm g khoản 4 Điều 34 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi Chứng thực chữ ký có liên quan đến tài sản, lợi ích của bản thân mình hoặc của những người thân thích là vợ, chồng; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi; cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi của vợ hoặc chồng; con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể; ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại; anh, chị, em ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; cháu là con của con đẻ, con nuôi của người chứng thực.

Ngoài ra, còn có thể bị tước quyền sử dụng thẻ công chứng viên từ 06 tháng đến 09 tháng (điểm b khoản 6 Điều 34).

**Câu 47. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch như thế nào?**

Trả lời

Điều 35 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với các hành vi vi phạm quy định về chứng thực hợp đồng, giao dịch như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để chứng thực hợp đồng, giao dịch.

2. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của cá nhân để được chứng thực hợp đồng, giao dịch.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi mạo danh chủ thể để được chứng thực hợp đồng, giao dịch.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung hoặc làm giả đối với hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cơ quan thực hiện chứng thực đang lưu trữ hồ sơ chứng thực thông báo

cho cơ quan, tổ chức, cá nhân có quyền, nghĩa vụ liên quan về hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này;

b) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.

**Câu 48. Các hành vi vi phạm quy định về chứng thực chữ ký người dịch sẽ bị xử phạt như thế nào theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Điều 36 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về chứng thực chữ ký người dịch như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ, văn bản cần dịch hoặc văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ của người dịch theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi dịch sai để trục lợi.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng giấy tờ giả của cá nhân để dịch hoặc yêu cầu chứng thực chữ ký người dịch.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc cơ quan thực hiện chứng thực đang lưu trữ hồ sơ chứng thực thông báo trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về bản dịch đã được chứng thực quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này;

b) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.”

**Câu 49: Hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ liên quan do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký: khai sinh, khai tử, kết hôn, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giám hộ, nhận cha, mẹ, con bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại Điều 37 (Hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai sinh), Điều 38 (Hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết hôn), Điều 40 (Hành vi vi phạm quy định về cấp, sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân), Điều 41 (Hành vi vi phạm quy định về đăng ký khai tử), Điều 42 (Hành vi vi phạm quy định về đăng ký giám hộ), Điều 43 (Hành vi vi phạm quy định về đăng ký nhận cha, mẹ, con) của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ liên quan do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký: khai sinh, khai tử, kết hôn, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, giám hộ, nhận cha, mẹ, con bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng;

- Hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi vi phạm nêu trên; giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung.

**Câu 50. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết hôn như thế nào?**

Trả lời

Điều 38 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định về đăng ký kết hôn như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho người khác sử dụng giấy tờ của mình để làm thủ tục đăng ký kết hôn hoặc sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký kết hôn;

b) Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cam đoan, làm chứng sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy chứng nhận kết hôn đã cấp do có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1 và 2 Điều này; giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.”

**Câu 51: Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài có hành vi lợi dụng việc tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nhằm mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc vì mục đích trực lợi khác bị xử lý như thế nào?**

Trả lời

Hình thức xử phạt đối với hành vi lợi dụng việc tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài nhằm mua bán người, bóc lột sức lao động, xâm phạm tình dục hoặc vì mục đích trực lợi khác của Trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài được quy định cụ thể tại điểm b khoản 5 Điều 39 Nghị định số 82/2020/NĐCP như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng;

- Hình thức xử phạt bổ sung: Đình chỉ hoạt động từ 06 tháng đến 09 tháng (điểm b khoản 6).Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm (điểm b khoản 7).

**Câu 52: Xin cho biết, theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, trung tâm tư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia dình có yếu tố nước ngoài có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng khi có những hành vi vi phạm nào?**

Trả lời

Căn cứ điểm a khoản 6 Điều 39 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, trung tâmtư vấn, hỗ trợ hôn nhân và gia dình có yếu tố nước ngoài có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung là đình chỉ hoạt động từ 01 đến 03 tháng khi có một trong những hành vi sau:

- Khai không đúng sự thật trong tờ khai đăng ký hoạt động;

- Cung cấp giấy tờ chứng minh về trụ sở không đúng sự thật;

- Thay đổi tên gọi, trụ sở, người đứng đầu hoặc nội dung đăng ký hoạt động mà không có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền;

- Hoạt động trong trường hợp không còn đủ điều kiện hoạt động;

- Hoạt động vượt quá phạm vi, nội dung ghi trong giấy đăng ký hoạt động;

- Đòi hỏi tiền hoặc5r lợi ích khác ngoài thù lao theo quy định khi thực hiện tư vấn, hỗ trợ về hôn nhân và gia đình có yếu tố nước ngoài;

- Không giữ bí mật các thông tin, tư liệu về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân, bí mật gia đình của các bên theo quy định của pháp luật.

**Câu 53. Theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi vi phạm quy định về cấp, sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bị xử phạt như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại Điều 40 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi vi phạm quy định về cấp, sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân bị xử phạt như sau:

“1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

b) Cam đoan không đúng về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

c) Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân;

d) Sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng mục đích ghi trong giấy xác nhận.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đã cấp do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1, các điểm a, b và c khoản 2 Điều này; giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung quy định tại khoản 1 Điều này.”

**Câu 54: Xin cho biết, trường hợp ông A mất được hơn 05 tháng, tuy nhiên ông B – con của ông A – cố tình không đến Ủy ban nhân dân xã thực hiện đăng ký khai tử cho ông A để tiếp tục được nhận các khoản tiền trợ cấp hàng tháng theo quy định của pháp luật của ông A. Vậy theo quy định của pháp luật thì thời hạn để đăng ký khai tử là bao lâu và hành vi của ông B có bị xử phạt vi phạm hành chính?**

Trả lời

Luật Hộ tịch năm 2014, khoản 1 Điều 33 quy định: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có người chết thì vợ, chồng hoặc con, cha, mẹ hoặc người thân thích khác của người chết có trách nhiệm đi đăng ký khai tử; trường hợp người chết không có người thân thích thì đại diện của cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm đi khai tử.Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 41 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi không làm thủ tục đăng ký khai tử cho người đã chết có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng. Ngoài ra, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

**Câu 55. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định mức phạt đối với Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật khi làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi hoặc nhằm mục đích trục lợi khác như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 3 Điều 44 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật khi làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi hoặc nhằm mục đích trục lợi khác có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.

Ngoài ra, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại khoản 5 Điều 44 Nghị định 82/2020/NĐ-CP là kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi vi phạm nêu trên và buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 56. Mức phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng được áp dụng đối với những hành vi vi phạm nguyên tắc đăng ký, quản lý hộ tịch, sử dụng giất tờ hộ tịch nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì Mức phạt tiền

từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng được áp đụng đối với một trong nhưng hành vi sau:

- Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch;

- Đưa hối lộ để được đăng ký hộ tịch mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự;

- Mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch;

- Cho người khác sử dụng giấy tờ hộ tịch của mình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

**Câu 57.Mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng được áp dụng đối với những hành vi vi phạm quy định quản lý quốc tịch nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2 Điều 46 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Mức phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng được áp dụng đối với một trong các hành vi vi phạm quy định quản lý quốc tịch sau:

- Khai báo thông tin không đúng sự thật trong hồ sơ đề nghị xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam; hồ sơ đăng ký để được xác định có quốc tịch Việt Nam; hồ sơ xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam; hồ sơ xin xác nhận là người gốc Việt Nam;

- Tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ về quốc tịch;

- Sử dụng giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam để chứng minh đang có quốc tịch Việt Nam.

Ngoài ra, còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung: Tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung đối với hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ về quốc tịch; giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch ViệtNam đối với hành vi sử dụng giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam để chứng minh đang có quốc tịch Việt Nam.Đồng thời, còn bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi Khai báo thông tin không đúng sự thật trong hồ sơ đề nghị xin nhập, xin trở lại, xin thôi quốc tịch Việt Nam, hồ sơ đăng ký để được xác định có quốc tịch Việt Nam, hồ sơ xin xác nhận có quốc tịch Việt Nam, hồ sơ xin xác nhận là người gốc Việt Nam và hành vi sử dụng giấy tờ không còn giá trị chứng minh quốc tịch Việt Nam để chứng minh đang có quốc tịch Việt Nam; giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ về quốc tịch.

**Câu 58. Hành vi vi phạm quy định về sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp; sử dụng phiếu lý lịch tư pháp bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Điều 47 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định cụ thể về xử phạt đối với hành vi vi phạm quy định về sử dụng và khai thác cơ sở dữ liệu lý lịch tư pháp; yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp; sử dụng phiếu lý lịch tư pháp bị xử phạt vi phạm hành chính như sau:

“1. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi gian dối trong lập tờ khai yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với hành vi tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung phiếu lý lịch tư pháp.

3. Phạt tiền từ 7.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Sử dụng phiếu lý lịch tư pháp của người khác trái pháp luật, xâm phạm đời tư của cá nhân;

b) Sử dụng giấy tờ của người khác để yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp trái pháp luật;

c) Khai thác, sử dụng trái phép, làm sai lệch, hủy hoại hồ sơ lý lịch tư pháp bằng giấy;

d) Truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử;

đ) Phát tán chương trình tin học gây hại cho mạng máy tính, hệ thống thông tin dữ liệu lý lịch tư pháp điện tử.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đối với hành vi vi phạm quy định tại các điểm d và đ khoản 3 Điều này;

b) Tịch thu tang vật là giấy tờ, văn bản bị tẩy xoá, sửa chữa làm sai lệch nội dung

đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này; giấy tờ, văn bản bị tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc chịu mọi chi phí để khôi phục tình trạng ban đầu do thực hiện hành vi vi

phạm quy định tại các điểm c, d và đ khoản 3 Điều này.”

**IV. LĨNH VỰC PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT**

**Câu 59: Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012 quy định: Công dân cóquyền được thông tin về pháp luật và có trách nhiệm chủ động tìm hiểu, học tậppháp luật; đồng thời nghiêm cấm hành vi cản trở việc thực hiện quyền được thôngtin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân, hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luậtcủa cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hình thức xử phạt đối với hành vi vi phạm này đượcquy định như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

- Cản trở việc thực hiện quyền được thông tin, tìm hiểu, học tập pháp luật của công dân;

- Cản trở hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật của cơ quan, tổ chức cá nhân.

**Câu 60. Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc và hành vi lợi dụng phổ biến, giáo dục pháp luật để xuyên tạc chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân là các hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012. Các hành vi này có thể bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2, 3, 4 Điều 48 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP:

1. Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu có nội dung sai sự thật, trái pháp luật, trái đạo đức xã hội, truyền thống tốt đẹp của dân tộc có thể bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng

- Biến pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm; buộc hủy bỏ tài liệu đối với hành vi vi phạm.

2. Lợi dụng phổ biến, giáo dục pháp luật để xuyên tạc chủ trương, đường lối của

Đảng, pháp luật của Nhà nước; tuyên truyền chính sách thù địch, gây chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thể bị xử phạt như sau:

- Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng

- Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin đối với hành vi vi phạm; buộc hủy bỏ tài liệu đối với hành vi vi phạm.

**Câu 61. Báo cáo viên pháp luật có nghĩa vụ gì? Hành vi lợi dụng danh nghĩa báo cáo viên pháp luật để thực hiện các hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao nhằm trục lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định của Luật Phổ biến giáo dục pháp luật năm 2012, Báo cáo viên pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức và sỹ quan trong lực lượng vũ trang nhân dân được cơ quan có thẩm quyền ra quyết định công nhận để kiêm nhiệm thực hiện hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật.Báo cáo viên pháp luật có các nghĩa vụ sau đây: Thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo sự phân công; truyền đạt chính xác nội dung phổ biến, giáo dục pháp luật; Không được tiết lộ bí mật nhà nước và thực hiện các hành vi bị cấm khác; Hằng năm, báo cáo về hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật do mình thực hiện với cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp.

Căn cứ quy Hành vi lợi dụng danh nghĩa báo cáo viên pháp luật để thực hiện các hoạt động không thuộc nhiệm vụ được giao nhằm trục lợi mà chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự có thể bị phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng và buộc phải nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm này (điểm b khoản 1 Điều 49 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP).

**V. LĨNH VỰC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

**Câu 62. Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định điều kiện về độ tuổi kết hôn là Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên. Tảo hôn là việc lấy vợ, lấy chồng khi một bên hoặc cả hai bên chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định của Luật và đây là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình. Vậy hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

Trả lời

Hành vi tảo hôn là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định cụ thể về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi tảo hôn, tổ chức tảo hôn (tại Điều 58) như sau:

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức lấy vợ, lấy chồng cho người chưa đủ tuổi kết hôn.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi duy trì quan hệ vợ chồng trái pháp luật với người chưa đủ tuổi kết hôn mặc dù đã có bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án

**Câu 63. Người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác hoặc chưa có vợ, chưa có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người đang có chồng, có vợ là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định mức phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này như thế nào?**

Trả lời

Theo khoản 1 Điều 59 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Đang có vợ hoặc đang có chồng mà kết hôn với người khác, chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà kết hôn với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ;

b) Đang có vợ hoặc đang có chồng mà chung sống như vợ chồng với người khác;

c) Chưa có vợ hoặc chưa có chồng mà chung sống như vợ chồng với người mà mình biết rõ là đang có chồng hoặc đang có vợ.

**Câu 64. Điểm g khoản 2 Điều 5 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định cấm hành vi thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, mang thai hộ vì mục đích thương mại, lựa chọn giới tính thai nhi, sinh sản vô tính. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi này như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định của Điều 60 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì hành vi hành vi thực hiện sinh con bằng kỹ thuật hỗ trợ sinh sản vì mục đích thương mại, sinh sản vô tính, mang thai hộ vì mục đích thương mại sẽ bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng và bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả là buộc nộp lại số lợi ích bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên.

**Câu 65:Hành vi lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước là một trong những hành vi bị nghiêm cấm theo quy định của Luật nuôi con nuôi năm 2010. Hành vi này bị xử phạt vi phạm hành chính như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 62 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, hành vi lợi dụng việc làm con nuôi của thương binh, người có công với cách mạng, người thuộc dân tộc thiểu số để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi của nhà nước có thể bị phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Ngoài ra, có thể bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả: kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi vi phạm; buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm.

**VI. CÁC HÀNH VI VI PHẠM KHÁC**

**Câu 66. Khi phát hiện hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải xử lý như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 1 Điều 81 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Khi phát hiện hành vi làm giả tài liệu hoặc sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình, thi hành án dân sự, phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, thì người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm sang cơ quan tiến hành tố tụng hình sự để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính.

Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không truy cứu trách nhiệm hình sự, thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62 của Luật Xử lý vi phạm hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này.

**Câu 67. Các hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình nào bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, Các hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình bị xử phạt vi phạm hành chính gồm:

1. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư; giấy đăng ký hành nghề luật sư, giấy phép hành nghề luật sư tại Việt Nam; hồ sơ đề nghị cấp giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập, hồ sơ đề nghị cấp giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam;

2. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ, thủ tục đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên, cấp thẻ công chứng viên; hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, đăng ký hành nghề cho công chứng viên của văn phòng công chứng;

3. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ xin phép thành lập, hồ sơ đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp;

4. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá; hồ sơ đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đấu giá; hồ sơ đề nghị cấp thẻ đấu giá viên;

5. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký chi nhánh của trung tâm trọng tài; thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động của chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; thành lập, thay đổi trưởng văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam;

6. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại; đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại; thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi tên gọi, trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; thành lập, đề nghị thay đổi tên gọi trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện của tổ chứchòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

7. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ, thủ tục đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thừa phát lại; hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, đăng ký hành nghề cho thừa phát lại;

8. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

9. Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên; hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân; hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

10. Sử dụng các loại chứng chỉ, thẻ, giấy đăng ký, giấy phép giả;

11. Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để yêu cầu công chứng;

12. Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để yêu cầu chứng thực;

13. Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để đủ điều kiện là người được trợ giúp pháp lý; người thực hiện trợ giúp pháp lý; tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

14. Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để làm thủ tục đăng ký, xác định, thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin về hộ tịch;

15. Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để làm thủ tục về quốc tịch;

16. Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để đăng ký việc nuôi con nuôi;

17. Sử dụng giấy tờ, văn bản giả để yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp; sử dụng phiếu lý lịch tư pháp giả;

**Câu 68. Nghị định số 82/2020/NĐ-CP quy định như thế nào về mức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị : cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình nêu trên.?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 81 Nghị định số 82/2020/NĐ-CP thì mức và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình nêu trên được quy định như sau:

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi nêu trên.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc thu hồi và huỷ bỏ giấy tờ, văn bản, chứng cứ giả theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm nêu trên

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm

- Kiến nghị cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền xem xét, xử lý đối với giấy tờ, văn bản đã cấp do có hành vi vi phạm

- Buộc tổ chức hành nghề công chứng thông báo trên cổng thông tin điện tử của Sở

Tư pháp nơi tổ chức hành nghề công chứng đăng ký hành nghề về văn bản công chứng, chứng thực tại điểm l (sử dụng giấy tờ, văn bản giả để yêu cầu công chứng) và điểm m (sử dụng giấy tờ, văn bản giả để yêu cầu chứng thực) khoản 2 Điều 81 Nghị định này.

**Câu 69. Nghị định 82/2020/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính đối với những hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82/2020/NĐ-CP, các hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình sau đây sẽ bị xử phạt vi phạm hành chính:

1. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề luật sư, hồ sơ gia nhập Đoàn luật sư, giấy đăng ký hành nghề luật sư, giấy phép hành

nghề luật sư tại Việt Nam; hồ sơ đề nghị cấp giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư; hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thành lập, hồ sơ đề nghị cấp giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư nước ngoài, công ty luật nước ngoài, chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam;

2. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ, thủ tục đề nghị bổ nhiệm, bổ

nhiệm lại, miễn nhiệm công chứng viên, cấp thẻ công chứng viên; hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, đăng ký hành nghề cho công chứng viên của văn phòng công chứng;

3. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ xin phép thành lập, hồ sơ đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp;

4. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ, thủ tục đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đấu giá; hồ sơ đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động đấu giá; hồ sơ đề nghị cấp thẻ đấu giá viên;

5. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động trung tâm trọng tài, đăng ký chi nhánh của trung tâm trọng tài; thành lập, đăng ký hoạt động, thay đổi tên gọi, lĩnh vực hoạt động của chi nhánh tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam; thành lập, thay đổi trưởng văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở văn phòng đại diện của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam;

6. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại; đăng ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại; thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi tên gọi, trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam; thành lập, đề nghị thay đổi tên gọi, trưởng chi nhánh, địa chỉ trụ sở văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam;

7. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ, thủ tục đề nghị bổ nhiệm, bổ nhiệm lại thừa phát lại; hồ sơ đề nghị thành lập, đăng ký hoạt động, đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, đăng ký hành nghề cho thừa phát lại;

8. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị cấp, gia hạn, sửa đổi giấy phép hoạt động của văn phòng con nuôi nước ngoài tại Việt Nam;

9. Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản tài viên; hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân; hồ sơ đề nghị đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản;

10. Làm giả các loại chứng chỉ, thẻ, giấy đăng ký, giấy phép;

11. Làm giả giấy tờ, văn bản để yêu cầu công chứng;

12. Làm giả giấy tờ, văn bản để yêu cầu chứng thực;

13. Làm giả giấy tờ, văn bản để đủ điều kiện là người được trợ giúp pháp lý; người

thực hiện trợ giúp pháp lý; tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý;

14. Làm giả giấy tờ, văn bản để làm thủ tục đăng ký, xác định, thay đổi, cải chính,

bổ sung thông tin về hộ tịch;

15. Làm giả giấy tờ, văn bản để làm thủ tục về quốc tịch;

16. Làm giả giấy tờ, văn bản để đăng ký việc nuôi con nuôi;

17. Làm giả giấy tờ, văn bản để yêu cầu cấp phiếu lý lịch tư pháp; làm giả phiếu lý lịch tư pháp;

**Câu 70. Mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình nêu trên được quy định trong Nghị định số 82/2020/NĐ-CP như thế nào?**

Trả lời

Theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 81 của Nghị định số 82/2020/NĐ-CP, mức phạt và biện pháp khắc phục hậu quả đối với các hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức trong hồ sơ đề nghị: cấp, cấp lại, gia hạn, thay đổi các loại giấy phép; chứng chỉ hành nghề; thẻ; đăng ký hoặc đăng ký lại hoạt động; đăng ký tập sự; bổ nhiệm; miễn nhiệm; xin phép thành lập và các loại giấy tờ, tài liệu khác trong lĩnh vực bổ trợ tư pháp, hành chính tư pháp, hôn nhân và gia đình nêu trên được quy định như sau:

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi nêu trên;

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc thu hồi và huỷ bỏ giấy tờ, văn bản, chứng cứ giả theo quy định của pháp luật đối với hành vi vi phạm nêu trên

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm nêu trên.